

Bản án số 241/2017/HC-PT
Ngày 14- 9- 2017
V/v "Khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý đất đai"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 09/2017/TLPT-HC ngày 13 tháng 01 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm 16/2016/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 269/2017/QĐPT-HC ngày 10 tháng 4 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Hoa L (có mặt).

Địa chỉ: 68/65 Hùng Vương, Phường 2, thành phố T, tỉnh A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Phạm Công U - thuộc đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh A;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Nguyễn Hữu H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện V: Ông Trần Văn Lâm – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V, tỉnh A.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A: Ông Hoàng Văn L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng pháp chế - Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh A.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị D (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1951. (có mặt).

Cùng trú tại địa chỉ: 142 đường Nguyễn Cửu Vân, Bình An Đông, Phường 4 thành phố T, tỉnh A.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Văn L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện Bà Trần Thị Hoa L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Hoa L trình bày: Bà là chủ sử dụng lô đất thổ cư có đăng bộ trong sổ địa chính huyện, có trích lục bản đồ địa chính xác nhận ranh giới do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện V trích lục năm 2012 với hiện trạng thực tế đang sử dụng: Một phần thửa 746, 747 có diện tích 400m² đất thổ và 748m² đất vườn, tổng diện tích 1.148m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã B, huyện V, tỉnh A. (hiện nay là thửa số 1015, diện tích 1.520m²).

Về nguồn gốc đất như sau:

Trước năm 1993, Công ty Công trình Giao thông A có khu đất tăng gia kinh tế tập thể được sự cho phép của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện V thống nhất cho cán bộ công nhân viên khai phá đất hoang đồi tràm chim chia cho các hộ chuyển sang canh tác lúa. Khi đó, mặt tiền ruộng cấp Lộ 831 được cho phép người dân đôn nền dựng nhà để ở.

Năm 1995, Công ty Công trình Giao thông A được phép nhượng lại cho 06 hộ công nhân viên từ diện tích công ty chuyển giao đất cho UBND huyện và UBND xã B, được phân lô từ trước năm 1993 để 06 hộ gia đình xây dựng nhà ở và canh tác trồng lúa (có đề nghị cấp giấy cho 06 hộ của Giám đốc công ty kèm theo). Trong đó có lô đất của chị gái bà L là bà Trần Thị D đứng tên.

Năm 2004, UBND huyện V đã đồng ý cấp đất cho bà Trần Thị D.

Năm 2005, bà L sang nhượng đất lại từ bà D (có hợp đồng và xác nhận của UBND xã đồng ý và xã có yêu cầu bà thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất) và bà L là người đăng ký tên trong sổ bộ địa chính với diện tích 1.148m²; có đóng thuế năm 2005, 2006 theo đúng quy định của Nhà nước. Cán bộ địa chính chậm làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và kéo dài thời gian làm giấy cho bà. Bà L có tiền hành bồi đắp, san lấp mặt bằng, sử dụng liên tục và không ai tranh chấp.

Quá trình giải quyết:

Bà L yêu cầu giải quyết liên tục từ năm 2002 đến năm 2012, Phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện V đến đo đạc hiện trạng đất nhưng vẫn không giải quyết cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà.

Ngày 07.10.2013, bà L làm đơn yêu cầu UBND huyện giải quyết cấp giấy cho bà.

Ngày 09.5.2014, UBND huyện ban hành Công văn số 235/UBND-TCD trả lời: “*không đủ điều kiện xét cấp lô đất này*”. Ngày 09.9.2014, bà khiếu nại Công văn số 235/UBND-TCD tới UBND huyện V. Ngày 04.11.2014, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND căn cứ vào xác minh và đối thoại của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đưa ra lý do: Đất này là đất công, việc chuyển nhượng sai pháp luật và cho rằng bà không có quyền và nghĩa vụ liên quan nên bác đơn khiếu nại của bà.

Không đồng ý với Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND của Chủ tịch UBND huyện; ngày 12.11.2014, bà L khiếu nại lên UBND tỉnh A xem xét giải quyết.

Ngày 12.02.2015, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định 569/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà, không đồng ý cấp quyền sử dụng đất lô đất của bà Trần Thị D đã sang nhượng lại cho bà, thửa đất 1015, diện tích 1.520m².

Đến ngày 17.12.2015, Chủ tịch UBND tỉnh A tiếp tục ban hành Công văn số 5022 trả lời cho bà về việc không thể giao đất cho bà vì hiện nay có kế hoạch lấy lại lô đất này làm văn phòng.

Vì những căn cứ nêu trên, bà L yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh A hủy Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND ngày 04.11.2014 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định giải quyết tranh chấp số 569/QĐ-UBND ngày 12.02.2015 của Chủ tịch UBND tỉnh A.

Tại Văn bản số 573/UBND-TCD ngày 31.8.2016, phiên đối thoại ngày 24.8.2016 của UBND huyện V, là người bị kiện và tại phiên tòa, đại diện là ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Năm 1984, Công ty Công trình Giao thông thuộc Sở Giao thông – Vận tải tỉnh A được giao khu đất sản xuất tự túc (trồng trà) tại ấp 2, xã B, có vị trí cách Đường tỉnh 831 hiện nay khoảng 150m (không có giấy tờ giao đất).

Năm 1993, Công ty Công trình Giao thông sang nhượng số đất sản xuất này lại cho 09 hộ để trồng lúa, trong đó có bà Trần Thị D nhận sử dụng phần đất có diện tích 18.754m².

Ngày 02.03.1995, Công ty Công trình Giao thông có Công văn 262/TC.HC.95 đề nghị cấp đất thổ cư cho 06 hộ cán bộ, công nhân viên của Công ty tại khu đất giáp với Đường tỉnh 831, thuộc ấp 2, xã B. Trong đó có bà Trần Thị D với diện tích 1.600m² (rộng 20m x dài 80m).

Đối với các hộ khác theo đề nghị cấp đất thổ cư của Công ty Công trình Giao thông, UBND xã B, UBND huyện V đã xem xét công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vì các hộ này thực sự có nhu cầu sử dụng, có công cải tạo đất, đầu tư san lấp mặt bằng, xây nhà ở ổn định và đủ điều kiện theo quy định pháp luật.

Trường hợp bà D, ngoài Công văn số 262 ngày 02.3.1995 của Công ty Công trình Giao thông A đề nghị cấp đất thổ cư, bà D hoàn toàn không có làm thủ tục nào để xin cấp đất hoặc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này và cũng không khai thác sử dụng đối với phần đất này.

Năm 2005, bà D lập Hợp đồng chuyển nhượng đất ruộng và đất thổ cư này lại cho Bà Trần Thị Hoa L, UBND xã B chỉ chấp thuận cho chuyển nhượng phần đất ruộng, còn phần đất thổ cư là không chấp nhận.

Năm 2012, bà L thuê phương tiện đào ao, đắp nền nhưng đã bị UBND xã đình chỉ không cho thực hiện cho đến nay.

Vị trí đất mà bà L khiếu nại yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần thửa 746 và một phần thửa 747, thửa đất mới 1015, tờ bản đồ số 5, diện tích 1.148m² tại xã B. Theo sổ mục kê lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, thửa đất này do UBND xã đứng tên đăng ký. mặt khác, khu vực quy hoạch đất thổ cư (cấp đường Tỉnh lộ 831) hoàn toàn riêng biệt với khu đất sản xuất của bà L tại điểm gần nhất trên 650m.

Theo xác nhận của ông Trần Thanh C, ông Lê Văn T và các hộ dân sống khu vực này thì phần đất mà Bà Trần Thị Hoa L khiếu nại, từ trước đến nay không ai sử dụng bỏ hoang, cây mắc mè mọc um tùm. Đến đầu năm 2016, các hộ sử dụng đất liền kề mới dọn mắc mè trồng cỏ làm thức ăn cho bò.

Quá trình khiếu nại của bà L không chứng minh được quyền sử dụng đất của bà D và cũng không sử dụng. Như vậy, phần đất này là đất Nhà nước quản lý, sử

dụng, không phải đất của bà D. Việc bà D lập giấy chuyển quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng đất cho bà L chính là phần đất Nhà nước quản lý vừa nêu. Do đó, Chủ tịch UBND huyện V quyết định bác đơn khiếu nại yêu cầu cấp GCNQSDĐ đối với phần đất này là đúng quy định pháp luật.

Tại Văn bản số 3088/UBND-TCD ngày 11.8.2016, phiên đối thoại ngày 08.8.2016 của UBND tỉnh A là người bị kiện và tại phiên tòa, đại diện là Ông Hoàng Văn L trình bày:

Năm 1984, Công ty Công trình giao thông trực thuộc Sở Giao thông vận tải A được giao khu đất để sản xuất tự túc, đất tọa lạc tại xã B, huyện V.

Năm 1933, Công ty Công trình giao thông sang nhượng phần đất sản xuất cho 09 hộ để trồng lúa, trong đó có hộ bà Trần Thị D nhận chuyển nhượng phần đất diện tích theo bản đồ địa chính hiện nay là 18.754m².

Ngày 02.3.1995, công ty có Công văn số 262/TC.HC.95 với nội dung: “*Đề nghị UBND huyện V và UBND xã B làm thủ tục cấp đất thổ cư cho 06 hộ, trong đó có hộ bà Trần Thị D, diện tích 1.600m² (rộng 20m x dài 80m)*”.

Như vậy, công ty sang nhượng lại đất trồng lúa cho bà D diện tích 18.754m²; đồng thời Công ty đề nghị Nhà nước lập thủ tục cấp đất thổ cư cho bà D diện tích 1.600m² nhưng chưa được Nhà nước phê duyệt, 02 phần đất này có diễn biến như sau:

- Phần đất trồng lúa (hiện nay không khiếu nại): UBND huyện V đã cấp giấy cho bà D năm 2006 với diện tích 18.754m².

- Phần đất thổ cư (đang khiếu nại): Trong 06 hộ công ty đề nghị Nhà nước lập thủ tục cấp đất thổ cư thì 05 hộ thực tế có nhu cầu sử dụng, đã lên nền xây nhà ở ổn định, nên được UBND huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vị trí đất khiếu nại hiện nay là thửa 1015, tờ bản đồ số 05, diện tích 1.148m², đất tọa lạc tại xã B.

Về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Trần Thị D sang Bà Trần Thị Hoa L:

- Ngày 09.7.2001, bà D lập giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất lại cho bà L sử dụng, gồm phần đất trồng lúa với diện tích 1,89ha và phần đất thổ 1.520m² (không có xác nhận của chính quyền địa phương).

- Ngày 08.6.2005, bà D tiếp tục lập lại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L, gồm: Phần đất trồng lúa diện tích 1,89ha và phần đất thổ cư diện tích 1.520m² (thửa 1015). Hợp đồng này được UBND xã B xác nhận ngày 25.7.2007 là bà D có đất sản xuất nông nghiệp. Riêng đất thổ cư, UBND xã không xác nhận là bà D có đất.

- Ngày 16.11.2006, bà L đến UBND xã kê khai xin nộp thuế năm 2005 và 2006 cho phần đất thổ cư, cán bộ thuế do không nắm được nguồn gốc và sử dụng đất nên thu thuế năm 2005, 2006.

- Tháng 5.2012, bà L đào ao lấy đất đắp nền nhà trên phần đất thổ cư, UBND xã lập biên bản yêu cầu đình chỉ thực hiện.

- Ngày 30.8.2012, bà L có đơn gửi UBND xã khiếu nại ông Nguyễn Văn Q lấn chiếm đất thổ cư của bà với diện tích 16m². Việc khiếu nại được UBND xã hòa giải nhưng không thành, bà L khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện V, do bà L không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nên Tòa án huyện trả lại đơn khởi kiện của bà L.

- Ngày 07.10.2013, bà L gửi đơn đến UBND huyện xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất thổ cư, diện tích 1.520m² với lý do: Đất bà D chuyển nhượng lại cho bà sử dụng từ năm 2001 đến nay.

Ngày 13.5.2014, UBND huyện có Kết luận số 247/KL-UBND về thanh tra công vụ công tác giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch UBND xã. Theo đó, UBND huyện không thừa nhận việc chuyển nhượng đất thổ cư giữa bà D với bà L. Đồng thời, giao UBND xã xuất ngân sách hoàn thu thuế nhà đất năm 2005, 2006 cho bà L với số tiền 100.800đ.

Ngày 04.11.2014, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND với nội dung:

“Bác đơn khiếu nại của Bà Trần Thị Hoa L về việc yêu cầu cấp giấy CNQSDĐ có tổng diện tích 1.148m² thuộc thửa 1015, TĐĐ số 5, tại xã B, huyện V.

Lý do: Phần đất bà L yêu cầu cấp giấy CNQSDĐ thuộc quỹ đất công ích do Nhà nước quản lý. Việc chuyển nhượng giữa bà L và bà Trần Thị D là không đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy, bà L là người không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, việc khiếu nại yêu cầu cấp giấy CNQSDĐ của bà L là không có căn cứ pháp luật để xem xét”.

Ngày 12.02.2015, Chủ tịch UBND tỉnh A ban hành Quyết định 569/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà L, giữ nguyên Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND ngày 04.11.2014 của Chủ tịch UBND huyện V.

UBND tỉnh đề nghị Tòa án xem xét không chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Trần Thị Hoa L.

Tại phiên đối thoại ngày 08.8.2016 và tại phiên tòa, Ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện cho người có quyền và nghĩa vụ liên quan (bà Trần Thị D) trình bày:

Năm 1984, Nhà nước vận động dân tăng gia sản xuất, Công ty Công trình Giao thông có xin 30 ha đất để trồng tràm, trồng được 07 – 08 năm, thu hoạch được 01 đợt tràm thì Công ty Công trình Giao thông tiến hành chia đất cho công nhân viên chức (gồm đất ruộng và đất thổ cư, trong đó có chia cho hộ bà Trần Thị D). Bà D canh tác được 02 – 03 năm thì chuyển nhượng lại cho Bà Trần Thị Hoa L canh tác (có hợp đồng chuyển nhượng). Sau này, Nhà nước cấp chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân được chia đất, riêng hộ bà L không được cấp chứng

nhận quyền sử dụng đất. Việc UBND huyện V không đồng ý cấp giấy cho bà L là không đúng quy định. Vì đất bà L đã sử dụng từ trước đến nay.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2016/HC-ST ngày 29 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Hoa L về việc hủy hai Quyết định 3508/QĐ-CT.UBND ngày 04.11.2014 của Chủ tịch UBND huyện V và Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 12.02.2015 của Chủ tịch UBND tỉnh A cùng về việc “*giải quyết khiếu nại của Bà Trần Thị Hoa L, đất tọa lạc tại xã B, huyện V*”.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Hoa L về việc buộc UBND huyện V cấp chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1015, diện tích 1.520m² tại xã B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2016 người khởi kiện Bà Trần Thị Hoa L có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện Bà Trần Thị Hoa L không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Hủy Quyết định hành chính số 3508/QĐ-UBND, ngày 04/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định 569/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc không chấp nhận cấp thổ cư một phần thửa đất số 746 có diện tích 400m² tại xã B, huyện V cho bà. Và buộc UBND huyện V cấp chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1015, diện tích 1.520m² tại xã B.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L trình bày đề nghị Tòa cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bà L bởi các lý do:

Nguồn gốc đất bà L xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của Công ty công trình giao thông cấp cho bà D vào năm 2001 bà D sang nhượng lại cho bà L. Tuy nhiên việc sang nhượng không theo đúng qui định của pháp luật nhưng theo qui định của luật đất đai hiện thì những giao dịch mua bán bằng giấy tay trước tháng 7 năm 2004 mà không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa từ trước đến nay chưa có văn bản nào thu hồi lại phần đất Nhà nước cấp cho Công ty công trình giao thông và phần đất Công ty công trình giao thông cấp cho bà D. Mặt khác vào năm 2004 bằng một văn bản trả lời của UBND huyện cho bà L thể hiện nội dung đồng ý cấp cấp giấy chứng nhận cho 5 hộ dân thì có hộ của bà D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên người bị kiện trình bày tại phiên tòa cấp phúc thẩm các nội dung sau:

Căn cứ chứng cứ chứng cứ đã thu thập và lời trình bày của các bên trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện việc kháng cáo của người khởi kiện là không có cơ

sở pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà D trình bày:

Việc Ủy ban nhân dân huyện không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà L là không đúng. Vì bà D được Công ty công trình giao thông giao đất từ năm 1984 bà D đã sang nhượng cho bà L là hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện là có căn cứ đúng pháp luật. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của Bà Trần Thị Hoa L giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ngoài ra vị đại diện Viện kiểm sát còn nêu: Bà L cho rằng bà D có quyền sử dụng đất hợp pháp trước khi sang nhượng cho bà L nhưng, thực tế không phải như vậy dẫn đến quyền và lợi ích của bà L bị xâm phạm thì bà có quyền yêu cầu bà D phải làm đủ các thủ tục để được cấp quyền sử dụng đất trước khi sang nhượng cho bà. Trường hợp bà D không thực hiện được thì bà L có quyền khởi kiện bà D bằng vụ kiện Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện Bà Trần Thị Hoa L, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm:

Căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm thể hiện Bà Trần Thị Hoa L khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định của Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân tỉnh A bởi bà cho rằng: một phần thửa 746, 747 có diện tích 400m² đất thổ và 748m² đất vườn, tổng diện tích 1.148m², tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại xã B, huyện V, tỉnh A. (hiện nay là thửa số 1015, diện tích 1.520m²) trước đây do bà Trần Thị D (là chị bà) sử dụng hợp pháp. Đến năm 2005 bà D đã sang nhượng phần đất trên cho bà nên bà có đủ điều kiện để được công nhận quyền sở hữu do vậy việc Ủy ban nhân dân huyện V không cấp

giấy chứng nhận cho bà L theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 3508/QĐ-CT.UBND ngày 04/11/2014 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 569/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh A là không đúng. Bản án sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là không bảo vệ quyền và lợi ích của gia đình bà. Do vậy bà yêu cầu Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tuyên hủy Quyết định hành chính số 3508/QĐ-UBND, ngày 04/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định 569/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Xét thấy, theo những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Nguồn gốc phần đất bà L yêu cầu cấp giấy chứng nhận trước đây do Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Xí nghiệp cầu đường thủy bộ trồng tràm trên phạm vi 30ha đất cạnh đập Bình Châu. Hiện nay những văn bản giao đất cho Xí nghiệp không còn lưu giữ tuy nhiên căn cứ hiện trạng thực tế thấy rằng: Năm 1995, từ một phần diện tích được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trồng tràm, Công ty đã chia 06 phần đất ở, mỗi phần ngang 20m, dài 80m cho 06 hộ cán bộ công nhân của công ty, trong đó có hộ bà D theo công văn số 262 ngày 02/3/1995. Ủy ban nhân dân huyện đã cấp thổ cư cho 5 hộ đúng với diện tích mà Công trình giao thông đã chia do 05 hộ này thực tế có nhu cầu sử dụng, đã lên nền xây dựng nhà ở ổn định. Đối với trường hợp của bà Trần Thị D, khi giải thể Công ty công trình giao thông đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp đất cho bà D nhưng không có căn cứ chứng minh việc bà D đã liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất trên cũng bỏ hoang, bà Trần Thị D không sử dụng.

Năm 2005 bà D lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà L nhưng không được Ủy ban nhân dân xã B chứng thực do bà D không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ tình tiết trên đã thể hiện, không có cơ sở để xác định bà Trần Thị D được Nhà nước giao quyền sử dụng hợp pháp của một phần thửa 746, 747 có diện tích 400m² nên bà D không có quyền để chuyển nhượng cho Bà Trần Thị Hoa L. Mặt khác, từ năm 2000 phần đất này được ghi trong Sổ mục kê thuộc quyền sử dụng của Ủy ban nhân dân xã B.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, việc Ủy ban nhân dân huyện V và Ủy ban nhân dân tỉnh A không chấp nhận đơn khiếu nại của bà L về việc yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích 1.148m² thuộc thửa đất 1015, tờ bản đồ số 5, tại xã B, huyện V với lý do phần đất bà L yêu cầu thuộc quỹ đất công ích do Nhà nước quản lý chưa cấp quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình nào. Việc chuyển nhượng giữa bà D và bà L là không đúng pháp luật nên không có căn cứ để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bà L là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai 2003 và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy, chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh,

không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của Bà Trần Thị Hoa L, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Hoa L phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện Bà Trần Thị Hoa L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Hoa L về việc yêu cầu Hủy Quyết định số 3508/QĐ-CT.UBND, ngày 04/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V và Quyết định số 569/QĐ-UBND ngày 12/02/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A cùng về việc “giải quyết khiếu nại của Bà Trần Thị Hoa L, đất tọa lạc tại xã B, huyện V”

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Hoa L về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1015, diện tích 1.520m² tại xã B.

Áp dụng khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc Bà Trần Thị Hoa L nộp 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0000179, ngày 16/3/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

2. Án phí hành chính phúc thẩm là 200.000 đồng Bà Trần Thị Hoa L phải chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số 0000333 ngày 30/9/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Những phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Mười

Trần Thị Thu Thủy

Phạm Thị Duyên